

Bản án số: 91/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-8-2019
“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi
con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Khóa và bà Dương Thị Kim Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Công - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 155/2019/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2019 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/7/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 155/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Huy K, sinh ngày 17/7/1986.

Địa chỉ: Thôn G, xã S, huyện N, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thùy L, sinh ngày 20/02/1987.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn G, xã S, huyện N, tỉnh Hải Dương;
nơi cư trú hiện nay: Đài Loan.

Anh K có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Nguyễn Huy K trình bày: Anh và chị Nguyễn Thùy L được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 30/8/2008 tại UBND xã S, huyện N, tỉnh Hải Dương. Ngày 01/6/2015, chị L đi lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu, vợ chồng vẫn thường xuyên L lạc với nhau. Đến khoảng đầu năm 2016, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị L thay đổi tính tình, thờ ơ không quan tâm đến gia đình. Anh có trao đổi nhưng chị L không nghe nên mâu thuẫn vợ chồng không được cải thiện, khiến cả hai thường xuyên xảy ra cãi nhau. Anh và chị L đều đã xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn

nhân không đạt được nên ngày 19/4/2019, khi chị L về nước, anh và chị L đã cùng ký tên vào đơn ly hôn, sau đó chị L quay lại Đài Loan. Do chị L không thông báo nên anh không biết địa chỉ của chị L tại Đài Loan. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị L. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Huy L, sinh ngày 11/6/2009 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 25/9/2012, hiện hai con chung đang ở cùng anh. Trong quá trình giải quyết, lúc đầu, anh K trình bày: anh và chị L đã thỏa thuận giao cháu L cho anh K và giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Do chị L không ở Việt Nam nên anh đề nghị tạm giao cháu N cho anh nuôi dưỡng cho đến khi chị L về nước. Sau đó, anh K có đơn đề nghị xin được nuôi cả hai con chung vì chị L đang ở Đài Loan chưa biết bao giờ về nên chị L không đủ điều kiện chăm sóc con. Khi nào chị L về nước, nếu chị L có yêu cầu trực tiếp nuôi con thì anh chị sẽ thỏa thuận với nhau. Về tài sản chung: Anh K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/5/2019 và ngày 13/6/2019, ông Nguyễn Ngọc L1 (là bố đẻ chị L) trình bày: Chị L hiện đang lao động ở Đài Loan và vẫn thường L lạc với ông qua điện thoại. Ông đã thông báo cho chị L biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đang thụ lý và giải quyết vụ án ly hôn giữa anh K và chị L. Chị L có nói với ông, chị L đồng ý ly hôn anh K và đề nghị Tòa án chấp nhận thỏa thuận giữa chị L và anh K, giao cháu L cho anh K, giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng, trong thời gian chị L không ở Việt Nam đề nghị Tòa án tạm giao cháu N cho anh K nuôi dưỡng cho đến khi chị L về nước. Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Do công việc rất bận nên chị không gửi được văn bản trình bày ý kiến của chị cho Tòa án. Ông L1 từ chối cung cấp địa chỉ của chị L ở Đài Loan.

Tại công văn số 9542/QLXNC-P5 ngày 11/6/2019, Cục quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp: Chị Nguyễn Thùy L xuất cảnh ngày 02/05/2019, chưa có thông tin nhập cảnh.

Tại phiên tòa, anh K, chị L đều vắng mặt. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử cho anh K ly hôn chị L; Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Huy L, sinh ngày 11/6/2009 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 25/9/2012 cho anh K nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh K về việc không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Về án phí: Buộc anh K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Huy K khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn đối với chị Nguyễn Thùy L có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại tỉnh Hải Dương, hiện tại đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 464 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, anh K không cung cấp được địa chỉ của chị L. Tòa án đã tiến hành làm việc với ông Nguyễn Ngọc L1 là bố đẻ của chị Nguyễn Thùy L để xác minh địa chỉ của chị L tại Đài Loan. Ông L1 xác định đã thông báo việc anh K xin ly hôn cho chị L, chị L có quan điểm nhất trí việc ly hôn. Tuy nhiên ông L1 không cung cấp địa chỉ hiện tại của chị L tại Đài Loan cũng như thực hiện các yêu cầu của Tòa án để chị L gửi văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh K cho Tòa án. Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết, căn cứ theo Điều 177, Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Do anh K là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, chị L là bị đơn cố ý giấu địa chỉ nên căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Huy K và chị Nguyễn Thùy L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện N, tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Từ đầu năm 2016, anh chị xảy ra mâu thuẫn do có khác biệt về quan điểm sống và tính cách, anh chị đã nhiều lần cãi vã và đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Chị L không gửi văn bản nêu ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh K nhưng chị L có nói với bố đẻ việc chị L đồng ý ly hôn anh K. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị L và anh K đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Yêu cầu ly hôn của anh K là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Anh K và chị L có 02 con chung là Nguyễn Huy L, sinh ngày 11/6/2009 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 25/9/2012, hiện hai con chung đang ở cùng anh K. Tại đơn khởi kiện, anh K yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, giao cháu N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Tại đơn ngày 09/7/2019, anh K đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung vì chị L hiện không có mặt ở Việt Nam, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Quá trình giải quyết vụ án, cháu L (đã trên 07 tuổi) đề nghị được ở với anh K. Như

vậy, việc giao cả hai con chung cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng theo yêu cầu của anh K là phù hợp với điều kiện thực tế của anh chị và đảm bảo quyền lợi của con chung theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận. Khi nào chị L về nước, anh chị có quyền thỏa thuận hoặc khởi kiện để giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Anh K tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí: Anh K là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, Điều 464, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Huy K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho anh Nguyễn Huy K được ly hôn chị Nguyễn Thùy L.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Huy L, sinh ngày 11/6/2009 và Nguyễn Khánh N, sinh ngày 25/9/2012 cho anh K trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của anh K về việc không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung. Chị L có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Huy K phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng anh K đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2017/0007423 ngày 09/5/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh K đã nộp xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết. Bị đơn (ở nước ngoài) có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- UBND xã S, huyện N;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Trần Hữu Hiệu